

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 12
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	13
Báo cáo kiểm toán độc lập	14 - 15
Báo cáo thu nhập	16
Báo cáo tình hình tài chính	17 - 18
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	19
Báo cáo danh mục đầu tư	20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	21 - 22
Thuyết minh báo cáo tài chính	23 - 54

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.658.181,28 chứng chỉ với tổng giá trị là 56.581.812.800 đồng, chiếm 113,16% tổng số chứng chỉ quỹ dư kiện chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 79.376.778.600 đồng, tương đương với 7.937.677,65 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHDQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo Ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, Thành viên độc lập	Ngày 9 tháng 8 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thúy	Thành viên độc lập	Ngày 9 tháng 8 năm 2019
Ông Phạm Ngọc Ninh	Thành viên	Ngày 9 tháng 8 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Đông, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BAO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRẠCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thao đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính định kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Mạc Quang Huy
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 9 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BAO CAO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại VIỆT NAM dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên 1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 5,50% và 2,38% so với ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư của Quỹ là ồm kiềm lợi nhuận theo một chiến lược đầu tư minh bạch và nghiêm ngặt. Quỹ duy trì danh mục đa dạng các loại tài sản cho thu nhập cố định ở các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

Các loại tài sản Quỹ được đầu tư bao gồm tài sản có thu nhập cố định, cổ phiếu, công cụ phái sinh và các quyền tài sản phái sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ. Tùy theo tình hình thị trường, Quỹ sẽ đầu tư lên đến 100% tài sản của Quỹ vào các tài sản có thu nhập cố định. Quỹ sẽ không mua cổ phiếu nhưng có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt 20% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ sẽ đưa ra phương pháp lựa chọn đầu tư phù hợp, tuân thủ các quy định tại Điều lệ Quỹ. Dựa trên nhận định của Công ty Quản lý Quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thực hiện phân bổ tài sản hợp lý nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đàm dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Thấp

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

- Tổng giá trị tài sản ròng: 80.742.562.006 VNĐ
- Số lượng chứng chỉ quỹ: 7.937.877,06 chứng chỉ quỹ

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ: Lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính để kiểm toán xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (%)
Danh mục trái phiếu	57,19	36,54	36,59
Tài sản khác	42,81	63,46	63,41
Cộng	100,00	100,00	100,00

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỔ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chi tiêu hoạt động

Chi tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
1 Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	90,742,582,008	75,973,457,705	60,285,492,960
2 Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	7.937.877,85	7.011.203,70	5.928.380,55
3 Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	11,431,87	10.836,00	10.168,96
4 Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	11,431,87	10.836,00	10.169,40
5 Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.843,75	10.170,93	9.897,36
6 Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7 Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8 Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9 Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ	5,50	6,56	1,69
9.1 Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (b)	-0,40	-0,11	-0,21
9.2 Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	6,90	6,87	1,90
10 Phản phần lạm tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
11 Phản phần ròng (trên 1 đơn vị quỹ) (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
12 Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
13 Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,43	2,16	2,20
14 Tốc độ vòng quay danh mục (%)	31,44	23,97	111,49

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phần phản lạm tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

(c) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giải đoạn	Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)	Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)
1 năm (từ 1/1/2021 đến 31/12/2021)	5,50	2,36
Từ khi thành lập	14,32	7,72
Từ khi thành lập (bình quân năm)	5,74	3,15

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

4. Tăng trưởng hàng năm

Chỉ số	Năm 2021		Năm 2020	
	(%)	(%)	(%)	(%)
Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ/1 đơn vị quỹ	6,60		6,56	

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

1. Kinh tế vĩ mô

Kinh tế Việt Nam hồi phục khá quan trọng quý 4/2021 sau khi các đợt phong tỏa trên diện rộng trong đợt bùng phát dịch Covid-19 trong quý 3 dần được nới lỏng. Tuy vậy, sự hồi phục trong quý cuối của năm 2021 không đủ bù đắp các ảnh hưởng kinh tế nghiêm trọng do đại dịch Covid-19 gây ra trong quý 3 khi GDP suy giảm mạnh 6%. Do đó, kết thúc năm 2021, kinh tế Việt Nam đạt tăng trưởng thấp nhất kể từ khi Việt Nam thực hiện chính sách Đổi mới từ năm 1996. Về mặt tích cực, kinh tế Việt Nam tiếp tục được hưởng lợi khi nhu cầu tiêu dùng trên thế giới hồi phục mạnh mẽ và điều này được thể hiện rõ qua số liệu tăng trưởng của xuất khẩu. Lạm phát và tỷ giá cũng được kiểm soát tốt, cụ thể như sau:

- Tăng trưởng GDP đạt 5,2% trong quý 4 và 2,8% trong cả năm 2021. Khu vực Công nghiệp và Xây dựng, vốn đóng góp 37,9% của GDP, vẫn là động lực tăng trưởng chính (+5,6% trong quý 4 và +4,1% trong cả năm), chủ yếu nhờ ngành Công nghiệp Chế biến Chế tạo duy trì đà tăng trưởng (+8,3% trong quý 4 và +6,4% trong cả năm). Khối Nông, Lâm, Ngư nghiệp cũng tăng trưởng khá quan, đạt 2,9% trong năm 2021, tốc độ tăng trưởng cao nhất từ năm 2018. Khu vực Dịch vụ, khối ngành lớn nhất của nền kinh tế, bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi đại dịch và vì vậy chỉ tăng trưởng thấp 1,2% so với cùng kỳ trong năm 2021, thấp hơn mức tăng trưởng 2,3% trong năm 2020 và 7,3% trong năm 2019.
- Xuất khẩu, sau khi bị gián đoạn trong quý 3, đã nhanh chóng quay lại đà tăng trưởng với mức tăng 19,5% so với cùng kỳ trong quý 4. Tính cả năm 2021, xuất khẩu tăng 19,0% so với cùng kỳ và đạt 336,3 tỷ USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực và các thị trường chính đều ghi nhận sự tăng trưởng. Đáng chú ý là thị trường Hoa Kỳ, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, với mức tăng trưởng cao 24,5% so với cùng kỳ. Nhập khẩu tăng trưởng với tốc độ cao hơn, 26,6%, 10% nên so sánh thấp trong năm 2020 và đạt 332,2 tỷ USD. Theo đó, thương dư thương mại năm 2021 ước đạt 4,1 tỷ USD.
- Vốn FDI cấp phép mới và đăng ký bổ sung đạt 24,3 tỷ USD, tăng trưởng 15,2% so với cùng kỳ và chủ yếu đến từ vốn đăng ký tăng thêm của các dự án hiện hữu (tăng 40,5% so với cùng kỳ lên 9 tỷ USD). Tổng vốn FDI giải ngân đạt 19,7 tỷ USD, thấp hơn 1,2% so với năm 2020, tuy nhiên vẫn cao hơn 13,1% so với mức trung bình 5 năm trước đại dịch là 17,5 tỷ USD.
- Mặc dù giá nhiên liệu và chi phí vận tải quốc tế tăng mạnh cũng như sự gián đoạn chuỗi sản xuất và cung ứng trong nước trong quý 3, lạm phát vẫn ở mức thấp, CPI trung bình năm 2021 tăng 1,8% so với cùng kỳ, mức thấp nhất từ năm 2018 và chủ yếu do giá thịt lợn, yếu tố chính dẫn đến CPI năm trước tăng mạnh, đã giảm đáng kể và chi phí đi lại và giáo dục cũng giảm. Ngoài ra, cầu tiêu dùng trong nước sụt giảm vì ảnh hưởng của đợt bùng phát dịch Covid-19, thể hiện qua tổng doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ giảm 3,6% so với cùng kỳ trong năm 2021, cũng đã hạn chế khả năng tăng giá của các nhà sản xuất, mặc dù chi phí sản xuất tăng.
- Đồng VND vẫn ổn định và tăng nhẹ về mặt giá trị so với đồng USD ở mức 1,3% trong năm 2021.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

1. Kinh tế vĩ mô (tiếp theo)

- Tăng trưởng tín dụng dần tăng tốc trong năm. Sau khởi đầu tốt với mức tăng 3,0% trong quý 1, tín dụng tiếp tục tăng trưởng tích cực 6,4% tính đến cuối quý 2 nhưng trì trệ và chỉ đạt 7,9% vào cuối quý 3 khi các đợt phong tỏa làm gián đoạn hoạt động kinh doanh và đầu tư. Tín dụng tăng trưởng nhanh trở lại trong quý 4 và đạt mức 13,5% cho cả năm 2021 khi các hoạt động kinh tế được tái khởi động và sau khi Ngân hàng Nhà nước chấp thuận điều chỉnh tăng dư nợ tín dụng của nhiều ngân hàng.

2. Thị trường trái phiếu

Trong năm 2021, 318,2 nghìn tỷ Trái phiếu Chính phủ được phát hành, hoàn thành 81% kế hoạch ban đầu và 86% kế hoạch điều chỉnh. Lợi tức lãi cả các kỳ hạn đã giảm khoảng 15-20 điểm phần trăm. Thanh khoản đối đầu trong hệ thống ngân hàng, một phần do tăng trưởng tín dụng được Ngân hàng Nhà nước kiểm soát chặt, một phần do Ngân hàng Nhà nước liên tục mua vào USD, đã duy trì cầu Trái phiếu Chính Phủ và theo đó đóng vai trò chính trong việc lợi tức suy giảm. Về phía cung, Kho bạc Nhà nước không chịu áp lực hoàn thành kế hoạch phát hành do tiến độ giải ngân chậm ngần ngại cho các dự án đầu tư công (hoàn thành 84,3% kế hoạch năm, thấp hơn năm 2020).

Gói kích thích kinh tế 347 nghìn tỷ đồng vừa được thông qua dự kiến sẽ làm tăng thêm hụt ngần sách thêm 240 nghìn tỷ trong vòng 2 năm. Kho bạc Nhà nước chưa công bố kế hoạch phát hành trái phiếu Chính phủ cho năm 2022, nhưng để thực hiện gói kích thích kinh tế, dự kiến khối lượng trái phiếu Chính phủ phát hành sẽ lớn hơn khối lượng đã phát hành trong năm 2021. Do các ngân hàng thương mại vẫn còn dư địa tăng tần trọng trái phiếu Chính phủ trên bảng cân đối tài sản của mình, việc tăng phát hành thêm trên 100 nghìn tỷ Trái phiếu Chính phủ mỗi năm sẽ không tạo thêm quá nhiều áp lực lên thanh khoản của hệ thống, nhưng sẽ tạo các áp lực không nhỏ lên lợi tức trái phiếu, đặc biệt khi lượng trái phiếu Chính phủ sẽ đáo hạn trong năm 2022 rất lớn (khoảng 40 nghìn tỷ đồng so với 162 nghìn tỷ đồng đáo hạn trong năm 2021).

Theo số liệu của HNX, trong năm 2021, 579,8 nghìn tỷ đồng trái phiếu đã được phát hành riêng lẻ (48% cao hơn khối lượng phát hành trong năm 2020) và 20,3 nghìn tỷ đồng phát hành ra công chúng (9,5% thấp hơn khối lượng phát hành trong năm 2020). Các công ty bất động sản dẫn đầu khối lượng phát hành, chiếm ~43%, tiếp theo là các tổ chức tín dụng với trên 30% tổng khối lượng phát hành. Lợi tức trái phiếu ngân hàng kỳ hạn 2 năm và 3 năm tiếp tục giảm, từ khoảng 4% đầu năm xuống dưới 3% vào Quý 4/2021. Các trái phiếu kỳ hạn dài với lãi suất thả nổi có biên lợi tức so với lãi suất huy động 12 tháng duy trì khá ổn định trong năm, khoảng 0,8%-1,0% cho trái phiếu kỳ hạn 8-10 năm phát hành bởi các ngân hàng nhóm 1, 1,5%-1,7% cho kỳ hạn 7 năm phát hành bởi các ngân hàng nhóm 2 và 2,3%-2,5% cho kỳ hạn 7 năm phát hành bởi các ngân hàng nhóm 3. Lợi tức trái phiếu phát hành bởi các công ty bất động sản phân hóa lớn trong năm 2021. Các công ty lớn với linh hình tài chính mạnh mẽ có thể phát hành với mức lãi suất khoảng 9% so với mức 10% trong năm 2020. Tuy nhiên, các công ty nhỏ với mức độ rủi ro cao hơn vẫn phải chấp nhận mức lãi suất trên 10%. Lợi tức trái phiếu phát hành bởi các công ty năng lượng cũng có sự suy giảm tương đối trong năm 2021, từ mức trên 10% trong năm 2020 xuống trên 8% trong năm 2021, một phần do các ngân hàng giảm lãi suất cho vay đối với nhóm ngành này và một phần do nhu cầu vốn của nhóm này giảm mạnh, khi nhiều các nhà máy năng lượng tái tạo đã dời vào hoạt động đúng hạn.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BAO CAO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

3. Thị trường cổ phiếu

Sau khi giảm 4,7% trong quý 3/2021, chỉ số VN-Index đã lấy lại đà tăng trưởng trong quý 4, tăng 11,6% và kết thúc năm 2021 với mức tăng ẩn tượng 35,7%. Chỉ số VN-Index đã tăng trưởng vượt trội hơn so với hầu hết các chỉ số chứng khoán trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong quý 4 và cả năm 2021.

Chỉ số VN-Index trong tăng trưởng mạnh trong năm nhờ sự hỗ trợ bởi các yếu tố sau:

- Chiến dịch tiêm chủng hiệu quả của Chính phủ giúp các nhà đầu tư tin rằng rủi ro xảy ra một đợt cách ly diện rộng nữa là không đáng kể, ngay cả trong bối cảnh biến chủng Omicron đang bùng phát trên toàn thế giới.
- Chính sách tiền tệ của Việt Nam được dự báo vẫn sẽ theo chiều hướng hỗ trợ tăng trưởng, chủ yếu do lạm phát trong nước vẫn ở mức thấp và trong kiểm soát, ngay cả khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã quyết định thắt chặt hơn các chính sách của mình dưới áp lực lạm phát.
- Tâm lý nhà đầu tư được hỗ trợ một cách tích cực bởi các thảo luận xung quanh gói kích cầu mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất vào tháng 11 năm 2021.
- Tổng lợi nhuận của các công ty niêm yết trong VN-Index trong năm 2021 vẫn tăng trưởng 39,8% so với cùng kỳ năm ngoái bất chấp các ảnh hưởng nghiêm trọng từ các đợt giãn cách trên diện rộng.
- Yếu tố quan trọng nhất vẫn là đầu tư của các nhà đầu tư cá nhân trong nước, vốn đã mua ròng kể từ quý 4 năm 2020 và hiện chiếm hơn 85%¹ giá trị giao dịch toàn thị trường. Đã có hơn 1,5 triệu tài khoản được mở, nhiều hơn tổng số tài khoản được mở trong bốn năm trước đó 2016-2020 trong năm 2021. Tính đến cuối năm 2021, số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam đạt hơn 4,1 triệu, tương đương 4,2% dân số.

Tính cả 12 tháng năm 2021, tổng giá trị giao dịch của cả ba sàn chứng khoán đạt khoảng 288,8 tỷ USD, cao hơn gần 2,6 lần so với tổng giá trị giao dịch của năm 2020. Nhà đầu tư nước ngoài đã bám ròng 2,7 tỷ USD² trên cả ba sàn chứng khoán tính cho cả năm 2021, đây là mức bám ròng kỷ lục trong nhiều năm. Điểm tích cực là lượng bén ròng của khối ngoại đều đã được nhà đầu tư trong nước hép thu hết.

Cho cả năm 2021, tất cả các ngành đều tăng trưởng, trong đó ngành có mức tăng cao nhất là Công nghệ Thông tin (+88,8%). đứng thứ hai là ngành Hàng Tiêu dùng Không thiết yếu (+60,7%). Ngành tăng giá thấp nhất trong năm 2021 là ngành Hàng Tiêu dùng Thiết yếu với mức tăng giá chỉ 10,3%. Trên phạm vi toàn thị trường, trong cả năm 2021, cổ phiếu vốn hóa nhỏ dẫn đầu với mức sinh lời 101,9%, tiếp theo là cổ phiếu vốn hóa trung bình và vốn hóa lớn với mức sinh lời lần lượt là 76,4% và 43,4%.

¹ Theo báo cáo của VNDS tại ngày 08/12/2022

² Theo báo cáo của VDSC tại ngày 31/12/2021

³ Theo số liệu thống kê của HNX & HSX

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Bối cảnh chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	5,90	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (a)	-0,40	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	6,50	5,74
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(a) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

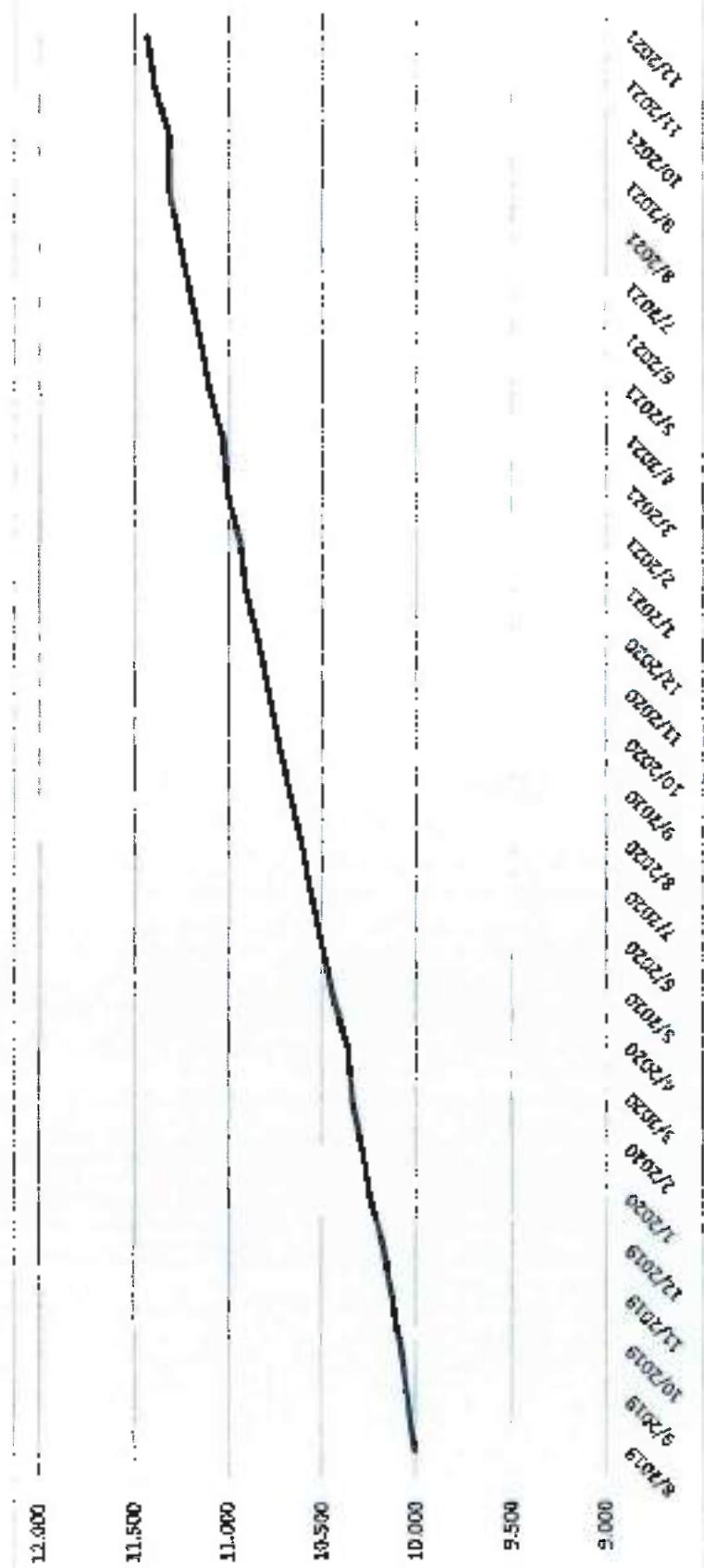
Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	90.742.582.000	75.973.467.705	18,44
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ	11.431,87	10.836,00	5,50

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF
BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chủ yếu hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ: Biểu đồ giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BAO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (kiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHI TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (kiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ ¹	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	216	296.206,66	3,73
Từ 5.000 đến 10.000	23	174.666,57	2,20
Từ 10.000 đến 50.000	26	523.806,51	6,60
Từ 50.000 đến 500.000	15	1.943.095,71	24,48
Trên 500.000	1	5.000.000,00	62,99
Tổng cộng	281	7.937.877,55	100,00

3. Chi phí quản lý và giám sát: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỀN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Trong năm 2022, nền kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ chuyển dịch từ trạng thái bị chi phối bởi diễn biến của đại dịch và nhu cầu dần nén sang giai đoạn bình thường mới với lối vận động hơn và có tốc độ tăng trưởng thấp hơn, mặc dù vẫn ở mức tăng trưởng trung bình. Theo khảo sát gần đây của Bloomberg với 36 tổ chức tài chính, GDP toàn cầu trong năm 2022 được dự báo tăng 4,4%¹ sau khi tăng mạnh 5,6% trong năm 2021. GDP của hầu hết các nền kinh tế đã quay lại bằng hoặc vượt mức trước đại dịch. Vì hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới đã ổn định và khởi sắc, các gói hỗ trợ và kích thích kinh tế được triển khai trong giai đoạn đại dịch sẽ dần được rút lại. Một lý do quan trọng nữa là lạm phát đang ở mức cao nhất trong nhiều năm. Một số ngân hàng trung ương của các nền kinh tế lớn đã đề ra lộ trình thắt chặt tiền tệ sớm hơn dự tính ban đầu. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã công bố kế hoạch kết thúc các gói nói lời định lượng và gửi đi thông điệp rằng lãi suất sẽ được điều chỉnh tăng trong năm 2022. Tuy nhiên, chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn trên thế giới trong năm nay được dự báo là vẫn theo xu hướng hỗ trợ để duy trì đà hồi phục kinh tế.

Nền kinh tế Việt Nam được dự báo là sẽ trở lại quỹ đạo tăng trưởng với mức tăng 6,5-7% một năm vào năm 2022, từ mức tăng trưởng thấp nhất kể từ khi "Đổi mới" trong năm 2021. Hoạt động ngoại thương sẽ duy trì đà phát triển khi nền kinh tế toàn cầu được dự báo vẫn sẽ tăng trưởng trung bình. Tiêu dùng nội địa cũng sẽ tiếp tục phục hồi sau khi nền kinh tế mở cửa trở lại gần như hoàn toàn và các đợt giãn cách xã hội nghiêm trọng như trong năm 2021 được tin là sẽ không xảy ra. Tốc độ phục hồi của tiêu dùng nội địa sẽ được hỗ trợ thêm bởi gói hỗ trợ phục hồi kinh tế trị giá hơn 15,0 tỷ USD (khoảng 4,3% GDP) đã được phê duyệt gần đây, bao gồm cả các biện pháp tài khóa và tiền tệ.

Tăng trưởng kinh tế như dự báo sẽ cùng cổ phiếu lợi nhuận khai quan của doanh nghiệp trong năm 2022. Hầu hết các ngành đang có điều kiện kinh doanh thuận lợi hoặc được cải thiện đáng kể so với năm trước. Trường hợp ngoại lệ có thể là các công ty đã được hưởng lợi từ sự tăng giá mạnh mẽ của các loại hàng hóa và từ sự giàn đoạn chuỗi cung ứng trong năm trước khi giá hàng hóa và chuỗi cung ứng toàn cầu được dự báo sẽ dần trở về mức ổn định. Theo tổng hợp của Bloomberg, kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2022 của các công ty trong chỉ số VN-Index là 27,1%². Điều đó có nghĩa là định giá của thị trường theo chỉ số P/E dự phóng năm 2022 là 14,0 lần. Đây vẫn là mức định giá hợp lý so với mức định giá P/E bình quân trung vị (16,0 lần) và mức cao nhất (21,4 lần) của chỉ số VNI trong giai đoạn 10 năm trước.

¹ Theo Bloomberg tại ngày 10/01/2022

² Theo Bloomberg tại ngày 10/01/2022

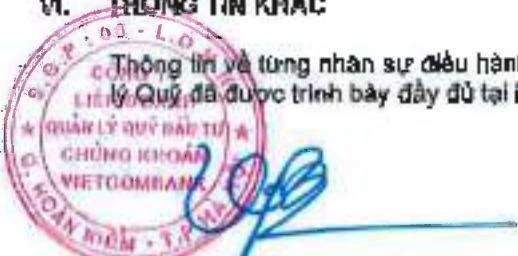
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BAO CAO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (lắp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỀU VỌNG THỊ TRƯỜNG (lắp theo)

Triều vọng là tích cực nhưng thị trường chứng khoán Việt Nam có thể có nhiều biến động trong năm 2022. Khi các nước phát triển, bao gồm Mỹ, giảm các biện pháp hỗ trợ tiền tệ như dự báo, các lạm suất rủi ro bao gồm cổ phiếu sẽ bị tác động. Một kỳ biến động lớn nào trên thị trường chứng khoán toàn cầu đều có khả năng ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý của các nhà đầu tư trong nước, đặc biệt là các nhà đầu tư cá nhân. Lạm phát có thể là một rủi ro khác. Sự hồi phục của nhu cầu tiêu dùng trong nước, các chính sách kích thích kinh tế và áp lực giá nguyên liệu hàng hóa toàn cầu là những lý do khiến lạm phát trong nước trở nên đáng chú ý hơn trong năm 2022. Bên cạnh đó, định giá cổ phiếu đang có sự phân hóa rõ rệt khi các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ đang có mức định giá cao, đồng nghĩa với rủi ro điều chỉnh lớn.

VI. THÔNG TIN KHÁC



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu VCBF ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật, chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.



Bùi Thị Huyền Trang
Phó phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Trương Thị Hoàng Yến
Nhân viên bộ phận Giám sát

Số tham chiếu: 91500596/22722438

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ('Quỹ') được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 16 đến trang 54, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tại sán rộng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi luôn tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả thu nhập tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quý và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quý mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quý mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CAO THU NHẬP
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BOI-QM

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		6.614.259.680	5.634.917.169
03	1.1 Tiền lãi được nhận	13	8.157.726.980	5.703.087.100
04	1.2 Lỗ bán các khoản đầu tư	14	(137.957.725)	(242.346.340)
05	1.3 Chênh lệch (giảm/tăng) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(205.509.555)	173.386.399
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		13.076.790	2.680.666
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	15	6.576.790	2.680.666
15	2.5 Chi phí đầu tư khác		6.500.000	-
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUÝ MÔ		1.214.550.941	1.429.001.117
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	23.1	88.021.258	342.749.073
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	16	220.105.891	211.856.736
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	23.2	237.600.000	229.000.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	23.2	237.600.000	217.800.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		132.000.000	132.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		20.936.073	19.288.240
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		145.200.000	145.200.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	17	136.187.119	131.087.068
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		4.586.631.849	4.202.465.476
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		4.586.631.849	4.202.465.476
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		4.792.041.504	4.029.090.077
32	6.2 (Lỗ)lợi nhuận chưa thực hiện	6	(205.509.555)	173.386.399
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNĐN")		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNĐN		4.586.631.849	4.202.465.476

Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

Bà Nguyễn Mai Hoa
 Người lập biểu

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022



Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán trưởng

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B02-QM

Mã số	CHỈ TIẾU	Thay đổi mình	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	22.050.764.065	7.781.150.217
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		119.106.239	4.775.539.250
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		21.931.578.846	3.005.810.959
120	2. Các khoản đầu tư thuần	5	66.984.572.002	66.067.923.360
121	2.1 Các khoản đầu tư		66.984.572.002	66.067.923.360
130	3. Các khoản phải thu		1.068.716.343	3.435.651.007
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		1.068.716.343	3.435.651.007
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	1.068.716.343	3.435.651.007
100	TỔNG TÀI SẢN		90.914.062.400	76.284.724.582
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	7	8.820.064	8.809.375
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		2.022.782	334.942
316	3. Chi phí phải trả	8	72.600.000	145.200.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	9	11.500.000	81.939.777
319	5. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	10	76.547.588	75.182.793
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		179.490.424	311.288.887
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		90.742.562.000	75.973.457.705
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		79.376.776.500	70.112.037.000
412	1.1 Vốn góp phát hành	11	93.045.425.300	74.319.623.100
413	1.2 Vốn góp mua lại	11	(14.268.646.800)	(4.207.486.100)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	11	1.681.389.253	863.656.401
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	12	9.784.388.253	6.197.884.304
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUÝ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ	11	11.431.87	10.036.00

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	19	7.937.877,65	7.011.203,70

Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Mai Hoa
Người ký bút

Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUÝ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

003-QM

STT	CHI TIẾU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở ("NAV") đầu năm	75.973.457.705	60.285.492.960
II	Thay đổi NAV trong năm	4.586.831.949	4.202.456.476
II.1	Trong đó:		
II.1.1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	4.586.531.949	4.202.456.476
II.1.2	III Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	10.182.672.352	11.485.509.200
III.1	Trong đó:		
III.1.1	- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	21.390.271.902	15.429.866.210
III.1.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(11.207.609.560)	(3.944.346.941)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm	90.742.862.806	75.973.457.705

Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Mai Hòa
 Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (%)
I	Trái phiếu			51.394.572.002	57,19
1	Trái phiếu niêm yết			43.865.761.791	48,03
1.1	- MSN11906	140.000	101.199.740	14.187.963.600	15,58
1.2	- MML121021	123.000	99.577.003	12.247.971.369	13,47
1.3	- HDG121001	172.548	99.971.176	17.249.826.822	18,90
2	Trái phiếu chưa niêm yết			8.328.810.211	9,16
2.1	- Trái phiếu Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	13.255	100.249.733	1.328.610.211	1,46
2.2	- Trái phiếu Công ty Chứng khoán Rồng Việt	7.000	1.000.000	7.000.000.000	7,70
II	Các tài sản khác			1.860.718.343	2,06
1	Dự thu lãi trái phiếu			1.602.368.398	1,77
2	Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi			84.136.986	0,09
3	Dự thu lãi tiền gửi			182.210.959	0,20
III	Tiền			37.050.764.085	40,75
1	Tiền gửi ngân hàng			32.050.764.085	35,26
1.1	- Tiền gửi thanh toán			119.185.239	0,13
1.2	- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng			21.931.678.848	24,12
1.3	- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng			10.000.000.000	11,00
2	Chứng chỉ tiền gửi			5.000.000.000	5,60
IV	Tổng giá trị danh mục			90.914.062.430	100,00

Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khoản điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Mai Hoa
 Người lập biểu

Bà Nguyễn Bàng Tâm
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TẾ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
	L. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TMVN		4.806.631.949	4.202.456.476
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư Trong đó: Lỗi/(lỗi) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		102.900.588	(113.986.389)
03	Lỗi/(lỗi) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	206.509.555	(173.366.399)
04	Chi phí trích trước		(72.800.000)	59.400.000
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		4.719.441.584	4.098.480.077
20	Tăng các khoản đầu tư		(2.132.158.189)	(12.701.124.270)
07	Giảm/(tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		1.568.934.664	(2.030.051.815)
11	Tăng/(Giảm) phải trả các Đơn vị phân phối chứng chỉ quỹ		210.689	(2.674.030)
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.687.650	290.430
14	Giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		(70.439.777)	(25.060.223)
17	Tăng/(Giảm) phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		1.364.775	(5.342.358)
18	Lưu chuyển tiền thuần từ(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		4.087.041.610	(10.075.472.689)
	II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	11	21.390.271.902	15.429.856.210
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	11	(11.207.899.550)	(3.944.346.941)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		10.182.572.352	11.485.509.269
40	III. Tăng tiền thuần trong năm		14.269.613.888	310.036.690

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (kép theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		7.781.150.217	6.971.113.637
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		7.781.150.217	6.971.113.637
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở Trong đó: Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	4	7.699.210.440	6.864.113.637
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ	4	4.693.699.481	190.248.886
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	4	81.939.777	107.000.000
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		22.050.784.085	7.781.150.217
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		22.050.784.085	7.781.150.217
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở Trong đó: Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	4	22.039.284.085	7.699.210.440
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ	4	21.931.570.946	3.005.610.959
60	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	4	107.686.239	4.693.699.481
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		11.500.000	81.939.777
			14.289.613.888	810.036.590

Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10 tháng 6 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 4D/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trú các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 08/UBCK-GPHDQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quỹ mua vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.658.181,28 chứng chỉ với tổng giá trị là 56.581.812.000 đồng, chiếm 113,16% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 6.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/dơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 79.378.776.000 đồng, tương đương với 7.937.677,65 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định. Tài sản cho thu nhập cố định của Quỹ sẽ chủ yếu bao gồm trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được bảo lãnh của Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp. Trong trường hợp môi trường đầu tư tạm thời không phù hợp với các tài sản cố định nêu trên BII Quỹ có thể đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định khác. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ tuân thủ một chiến lược đầu tư có kỳ luỵ nhằm tạo dòng thu nhập đều đặn. Quỹ sẽ duy trì một danh mục đầu tư đa dạng gồm các tài sản có thu nhập cố định chủ yếu là trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được bảo lãnh bởi Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao. Dựa trên nhận định của Công ty Quản lý Quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, tài sản của quỹ sẽ được phân bổ nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.

Ký tính giá trị tài sản ròng ("NAV")

NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

- a) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- b) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh lãi bằng lãi cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHINH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BOS-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mươi hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản và loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- d) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mươi hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- e) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dù nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- f) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF - FIF;
- g) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bao đảm các hạn chế sau:
 - i. Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ii. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - iii. Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- h) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- i) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d) và (g) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của cáo tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ điều chỉnh; hoặc
- e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư vì các lý do quy định tại điểm (a), (b), (c), (d) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Khoản Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mươi lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (thay thế Thông tư số 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC) và Thông tư số 181/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoàn đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3.3).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, không được chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chứng.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.3 Ký kế toán năm

Ký kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 06/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tài sản tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tài sản tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chí tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng và chứng chỉ tiền gửi.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi thu chưa được thanh toán (tính đến ngày mua) được ghi nhận trên khoản mục "Lãi thu cố định, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phát thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sở IAS Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối, nơi ngoại tệ của Quỹ đang được gửi, tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính lối ngày trước Ngày Định Giá.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

3. TỔNG TẮC CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ (tiếp theo)		
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền cần cù vào thời gian năm giữ công cụ và lãi suất chiết khấu là một trong các mức lãi suất sau đây theo thứ tự ưu tiên (từ trên xuống dưới): <ul style="list-style-type: none"> - Lãi suất trung thêu; hoặc - Lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá yết bình quân giá quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá), hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; hoặc giá trái phiếu có biến động bất thường như quy định dưới đây, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá yết bình quân giá quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, không có biến động bất thường như quy định dưới đây, tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá nhưng không quá sáu mươi (60) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá công khai lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp Chiết khấu dòng tiền (discounted cash flow) áp dụng đối với trái phiếu có thời hạn năm giữ còn lại trên mội (01) năm cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-CM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
6.	Trái phiếu niêm yết (tiếp theo)	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế; - Giá trái phiếu được xem là có biến động bất thường nếu thuộc một trong các trường hợp dưới đây: <ul style="list-style-type: none"> + Giá yết bình quân giá quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán có biến động hơn +/- 3% khi so sánh với giá yết (giá sạch - clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá của từng ngày giao dịch. * Giá yết bình quân giá quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán có biến động hơn +/- 3% khi so sánh với giá của kỳ báo cáo gần nhất.
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (giá sạch - clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp Chiết khấu dòng tiền (discounted cash flow) áp dụng đối với trái phiếu có thời hạn năm giữ còn lại trên một (01) năm cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp trái phiếu chính phủ/trái phiếu chính phủ bảo lãnh/trái phiếu chính quyền địa phương đều thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nào sau hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày định giá; là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá chín mươi (90) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (liếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B08-QM

a. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (liếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (liếp theo)

Nguyên tắc định giá (liếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
cổ phiếu (liếp theo)		
8.	Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch (liếp theo)	<ul style="list-style-type: none"> + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. - Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.
9.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá.
10	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% (tám mươi phần trăm) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khảo đà được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang chờ làm thủ tục niêm yết)	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF. - Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá chín mươi (90) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
12.	Quyền mua cổ phiếu	<p>Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu - Giá phát hành cổ phiếu mới) x tỷ lệ thực hiện quyền} Trong đó: Tỷ lệ thực hiện quyền = Số cổ phiếu được mua/Số lượng quyền mua sở hữu.</p>
Chứng khoán phái sinh		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá)	Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
15.	Các tài sản được phép đầu tư khác	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp.</p> <p>Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá mua cộng lãi lũy kế (nếu có) - Phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phản ánh cách giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân giá quyền tại ngày giao dịch.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyên nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.5.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phân ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa và sổ tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyên nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy bảo cờ của Ngân hàng Giám sát kèm bằng phản hồi tiền thu bán chứng chỉ quỹ và sổ tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyên nhượng kèm bằng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

➢ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

➢ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.5.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lợi lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ Ký kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị tài và lô đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ Ký kế phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

3.5.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "Lợi nhuận chưa phân phối" vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Báo cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được Ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B08-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng nếu rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tồn thời có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong năm. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong năm, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong năm.

Ngoài với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	60%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.7 Các khoản phải trả và chi phí tích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua, mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở đơn vị. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.8.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư

Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 thì Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ.

(i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý hàng năm tối đa sẽ là 0,0% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá dịch vụ quản lý quỹ cụ thể sẽ được VCBF công bố tùy theo từng thời điểm trên website của mình.

(ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng và được miễn áp dụng trong giai đoạn sáu (6) tháng đầu tiên kể từ ngày Điều lệ Quỹ có hiệu lực. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

(iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CAO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

606-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.8.2 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Đối với giai đoạn sáu (6) tháng đầu tiên kể từ ngày Điều lệ Quỹ có hiệu lực, mức tối thiểu áp dụng là 11.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.8.3 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Đối với giai đoạn sáu (6) tháng đầu tiên kể từ ngày Điều lệ Quỹ có hiệu lực, mức tối thiểu áp dụng là 11.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên không bao gồm các phi lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, chi phí giao dịch và đăng ký chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.8.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/ trên mỗi giao dịch.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở đòn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CAO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khâu trả và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 18 tháng 8 năm 2010 và chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi, bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên tham gia trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bên chót của mối quan hệ được chú ý chứ không chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 108/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu cố tức, tiền lãi các khoản đầu tư, và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BOB-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG DƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	107.885.239	4.893.599.481
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	11.500.000	81.939.777
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng bằng VND	21.931.578.848	3.005.810.969
	22.000.764.086	7.731.150.217

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THƯYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (djęp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Giá mua VND	Giá bán VND	Chênh lệch đánh giá lại		Chênh lệch (giảm) tăng thuộc VND	Giá trị đánh giá lại VND
		Chênh lệch hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tăng VND		
Ngày 31 tháng 12 năm 2021					
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (a)	43.816.725.387	43.885.781.791	7.588.000 612.183	(160.550.434)	(152.963.396)
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (b)	8.328.198.028	8.328.810.211	-	-	612.183
Chứng chỉ tiền gửi (c)	6.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
67.146.923.415	56.994.672.002	9.199.074	(160.550.434)	(152.351.413)	66.994.572.002
Ngày 31 tháng 12 năm 2020					
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	21.309.602.328	21.298.719.410	27.149.325 64.041.060	(38.032.243)	(10.882.918)
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	6.509.530.815	6.573.571.875	-	-	64.041.060
Chứng chỉ tiền gửi	26.000.000.000	28.000.000.000	-	-	6.573.571.876
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	9.195.632.083	9.195.632.083	-	-	26.000.000.000
65.014.765.226	55.067.922.358	91.190.396	(38.032.243)	53.168.142	55.067.922.358
Änh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào bảo cáo thu nhập					
				(205.506.555)	

- a) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Mesoan, Công ty Cổ phần Masaan Meadite và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô phát hành có kỳ hạn từ 2 năm đến 5 năm, lãi suất từ 0,75%/năm đến 10,25%/năm, lãi trả định kỳ 6 tháng/lần.
- b) Trái phiếu do Tập đoàn Vinagroup - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Chương Khoán Rồng Việt phát hành với kỳ hạn từ 1 năm đến 3 năm, lãi trả định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý.
- c) Chứng chỉ tiền gửi do Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam phát hành, kỳ hạn 3 năm.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (liệp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

6. DỰ THU CÓ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐÊM NGÀY NHẬN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu	1.602.368.398	962.718.179
Dự thu tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	84.130.096	2.306.712.328
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	182.210.950	96.219.600
	1.868.716.340	3.438.651.007

7. PHẢI TRÀ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải trả cho các Đại lý phân phối	1.580.220	3.181.622
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	7.239.844	5.427.763
	8.820.064	8.609.376

8. CHI PHÍ PHẢI TRÀ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phi kiểm toán	72.600.000	146.200.000

9. PHẢI TRÀ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải trả cho nhà đầu tư về tiền mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành giao dịch	11.500.000	81.939.777

10. PHẢI TRÀ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỚI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	7.727.568	6.362.793
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	10.000.000	10.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	220.000	220.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	18.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ giám sát	18.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyên nhượng	11.000.000	11.000.000
	76.547.568	75.182.793

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Môp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

11. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Số dư đầu năm VND	Phát sinh trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	7.431.952,31	1.032.590,22	8.364.542,53
Giá trị ghi theo mệnh giá	74.319.523.100	19.326.002.200	93.645.426.300
Thặng dư vốn	659.449.802	2.064.369.702	2.923.819.804
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	75.170.973.002	21.390.271.902	96.569.244.904
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(420.748,81)	(1.006.116,27)	(1.426.664,80)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(4.207.486.100)	(10.061.162.700)	(14.268.648.800)
Thặng dư vốn	(195.893.501)	(1.146.536.850)	(1.342.430.351)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(4.403.379.601)	(11.207.899.660)	(15.811.079.151)
số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	7.011.203,70	928.473,95	7.937.677,65
Giá trị vốn góp hiện hành	70.775.603.401	10.132.572.352	80.908.165.753
Lợi nhuận chưa phân phối	5.197.864.304	4.598.531.849	9.794.396.253
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	75.973.457.705		80.742.562.006
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	10.030,00		11.431,87

12. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	9.936.747.866	5.144.706.162
(Lỗ)lợi nhuận chưa thực hiện	(152.351.413)	53.158.142
	9.784.396.253	5.197.864.304

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (lập theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

13. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tiền lãi từ trái phiếu	3.514.185.254	2.787.889.071
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	1.633.301.370	2.469.884.930
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	1.008.848.663	453.221.362
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	1.391.873	3.101.737
	6.157.726.900	6.703.887.100

14. LỐ BẢN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ/bán chứng khoán trong kỳ VND
Trái phiếu niêm yết	11.000.000.000	11.182.695.763	(182.695.753)
Trái phiếu chưa niêm yết	6.554.468.843	6.509.530.815	44.938.028
Chứng chỉ tiền gửi	28.500.000.000	28.500.000.000	-
	46.054.468.843	48.492.426.588	(137.957.726)

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ/bán chứng khoán trong kỳ VND
Trái phiếu niêm yết	11.000.000.000	11.213.979.041	(213.979.041)
Trái phiếu chưa niêm yết	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Chứng chỉ tiền gửi	7.000.000.000	7.028.366.299	(28.366.299)
	23.000.000.000	23.242.345.340	(242.345.340)

Trong đây có bao gồm các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi đã đáo hạn trong năm. Tổ chức phát hành thanh toán cho Quỹ theo mệnh giá của khoản đầu tư. Phần chênh lệch giữa giá vốn và mệnh giá của khoản đầu tư được ghi nhận vào khoản mục "Lỗ/bán các khoản đầu tư"; trong khi đó, tiền lãi nhận được từ các khoản đầu tư đã được ghi nhận vào khoản mục "Tiền lãi được nhận" trên báo cáo thu nhập của Quỹ.

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	6.576.790	2.580.566
Chi phí đầu tư khác	6.500.000	-
	13.076.790	2.580.566

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (kiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BDS-QM

13. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (kiếp theo)

Trong năm 2021, giao dịch của Quỹ thực hiện qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên công ty chứng khoán		Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán	Phí giao dịch tính quanh tròn khi mua/bán (%)			
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (*) VNĐ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)/(5)	(7)	(8)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Không liên quan	4.152.640.000	49.765.998.428	\$,34	0,020	0,00 - 0,15
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Không liên quan	8.648.414.090	49.765.998.428	17,38	0,020	0,00 - 0,15
3	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Có liên quan	4.981.715.000	49.765.998.428	10,01	0,015	0,00 - 0,15
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	14.764.845.378	49.765.998.428	29,67	0,020	0,00 - 0,15
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Không liên quan	2.109.020.000	49.765.998.428	4,24	0,015	0,00 - 0,15
6	Giao dịch OTC		15.109.363.970	49.765.998.428	30,38	Không áp dụng	
	Tổng		49.765.998.428		100,00		

(*) Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ có tính đến toàn bộ giao dịch của trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

16. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUÝ MÙA

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	216.000.000	209.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	3.520.000	2.420.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	685.691	436.736
	220.105.691	211.856.736

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Thú lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000
Phi quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	6.000.000	6.739.726
Phi ngân hàng	9.404.453	4.347.342
Phi khác	782.666	-
	136.187.119	131.087.088

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (kiểm theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

806-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021:

Ký hết NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/diem vi quỹ tại ngày hết NAV VND	Tổng(giảm) NAV/tuần vi quỹ VND
Kỳ cuối Tháng 12/2020	75.973.457.705	7.011.203.70	10.835.30	
Kỳ 1 Tháng 1/2021	78.027.787.475	7.011.203.70	10.849.75	7.75
Kỳ 2 Tháng 1/2021	78.158.206.168	7.198.517.70	10.857.54	13.79
Kỳ 3 Tháng 1/2021	78.329.642.425	7.210.473.29	10.863.31	5.77
Kỳ 4 Tháng 1/2021	79.035.015.685	7.288.586.58	10.873.55	10.22
Kỳ cuối Tháng 1/2021	80.923.045.280	7.420.597.00	10.905.04	\$1.51
Kỳ 1 Tháng 2/2021	80.980.219.449	7.420.697.00	10.912.75	7.71
Kỳ 2 Tháng 2/2021	81.192.223.839	7.433.979.89	10.921.77	9.02
Kỳ 3 Tháng 2/2021	81.094.082.502	7.433.979.89	10.908.56	(13.21)
Kỳ 4 Tháng 2/2021	81.649.309.843	7.480.983.68	10.914.24	5.68
Kỳ cuối Tháng 2/2021	81.709.080.862	7.471.181.28	10.936.56	22.32
Kỳ 1 Tháng 3/2021	81.700.048.562	7.471.181.28	10.935.35	(11.21)
Kỳ 2 Tháng 3/2021	80.131.962.107	7.317.659.85	10.950.49	15.14
Kỳ 3 Tháng 3/2021	81.605.007.749	7.448.077.94	10.958.61	6.02
Kỳ 4 Tháng 3/2021	82.086.408.752	7.484.870.55	10.996.36	39.85
Kỳ 5 Tháng 3/2021	82.251.885.616	7.463.770.30	11.012.77	16.41
Kỳ cuối Tháng 3/2021	82.330.217.962	7.480.163.60	11.008.47	(8.30)
Kỳ 1 Tháng 4/2021	82.229.720.822	7.480.163.60	10.992.03	(13.44)
Kỳ 2 Tháng 4/2021	82.478.543.559	7.501.678.54	10.994.67	1.64
Kỳ 3 Tháng 4/2021	84.759.048.766	7.898.570.43	11.012.57	17.80
Kỳ 4 Tháng 4/2021	84.844.447.104	7.698.747.81	11.020.55	7.98
Kỳ cuối Tháng 4/2021	85.176.514.051	7.724.634.19	11.025.60	5.05

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUỶẾT MINH BẢO CÀO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021*

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV tại ngày bình NAV VND	Tổng(đơn vị quy nhận)	NAV/tỷ đơn vị quy nhận
Kỳ 1 Tháng 5/2021	85.112.729.359	7.724.824.19	11.018.35	(8,25)	
Kỳ 2 Tháng 5/2021	85.608.125.542	7.724.868.75	11.062.43	84,08	
Kỳ 3 Tháng 5/2021	85.815.789.874	7.727.771.29	11.078.97	(3,46)	
Kỳ 4 Tháng 5/2021	86.808.228.672	7.736.120.17	11.091.89	12,92	
Kỳ cuối Tháng 5/2021	87.568.705.101	7.869.159.34	11.059.87	7,98	
Kỳ 1 Tháng 6/2021	87.585.328.179	7.889.159.34	11.101.98	2,11	
Kỳ 2 Tháng 6/2021	86.572.722.554	7.791.533.94	11.111.12	9,14	
Kỳ 3 Tháng 6/2021	86.594.365.269	7.776.603.08	11.136.81	25,69	
Kỳ 4 Tháng 6/2021	86.523.375.501	7.773.871.01	11.130.02	(6,78)	
Kỳ 5 Tháng 6/2021	86.594.741.784	7.776.169.98	11.138.05	8,03	
Kỳ cuối Tháng 6/2021	87.358.170.087	7.880.109.35	11.149.38	13,31	
Kỳ 1 Tháng 7/2021	87.989.121.464	7.890.109.35	11.163.43	14,07	
Kỳ 2 Tháng 7/2021	88.096.013.928	7.895.592.01	11.170.60	7,17	
Kỳ 3 Tháng 7/2021	88.371.243.142	7.918.649.92	11.173.99	3,39	
Kỳ 4 Tháng 7/2021	87.137.347.653	7.780.856.12	11.198.94	24,95	
Kỳ cuối Tháng 7/2021	87.065.724.231	7.768.986.70	11.208.83	7,38	
Kỳ 1 Tháng 8/2021	87.084.074.722	7.768.986.70	11.209.19	2,36	
Kỳ 2 Tháng 8/2021	87.178.753.895	7.768.467.87	11.222.12	12,93	
Kỳ 3 Tháng 8/2021	86.915.092.793	7.735.982.79	11.235.15	13,03	
Kỳ 4 Tháng 8/2021	87.005.015.418	7.736.113.98	11.246.60	11,45	
Kỳ cuối Tháng 8/2021	87.074.691.652	7.732.341.92	11.261.10	14,50	

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Tài sản Ròng VCBF

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (kiểm tra)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BDS-QM

13. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (kiểm tra)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (kiểm tra):

Kỳ định NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/Chứng chỉ quỹ	Tổng(đơn vị NAV/khối VNĐ)
Kỳ 1 Tháng 9/2021	87.069.517.568	7.794.916,31	11.272,66	11.58
Kỳ 2 Tháng 9/2021	88.087.890.213	7.801.630,21	11.290,68	18,00
Kỳ 3 Tháng 9/2021	88.187.409.685	7.803.500,86	11.302,28	11.62
Kỳ 4 Tháng 9/2021	88.234.850.883	7.798.878,30	11.315,76	11.50
Kỳ cuối Tháng 9/2021	87.260.784.844	7.710.279,34	11.317,46	3,88
Kỳ 1 Tháng 10/2021	87.325.407.101	7.710.279,94	11.325,84	8,38
Kỳ 2 Tháng 10/2021	87.385.620.792	7.705.818,37	11.337,61	11.77
Kỳ 3 Tháng 10/2021	91.021.025.087	8.021.143,87	11.347,63	10,02
Kỳ 4 Tháng 10/2021	90.556.422.586	8.006.512,49	11.307,52	(40,11)
Kỳ cuối Tháng 10/2021	80.372.578.607	7.887.816,46	11.213,57	8,15
Kỳ 1 Tháng 11/2021	90.372.363.159	7.987.916,49	11.313,63	(0,04)
Kỳ 2 Tháng 11/2021	90.581.629.056	8.000.465,81	11.322,04	8,41
Kỳ 3 Tháng 11/2021	90.731.174.106	8.007.417,85	11.330,89	8,85
Kỳ 4 Tháng 11/2021	90.778.671.846	8.008.302,74	11.335,59	4,67
Kỳ cuối Tháng 11/2021	91.058.681.246	7.992.304,99	11.393,29	67,73
Kỳ 1 Tháng 12/2021	90.993.889.834	7.985.584,15	11.394,78	1,50
Kỳ 2 Tháng 12/2021	91.148.074.005	7.981.141,63	11.420,55	25,76
Kỳ 3 Tháng 12/2021	91.093.605.189	7.979.276,92	11.416,27	(4,28)
Kỳ 4 Tháng 12/2021	90.749.552.523	7.938.544,73	11.431,50	15,23
Kỳ cuối Tháng 12/2021	90.742.662.006	7.837.677,84	11.431,87	0,37

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất

86.007.424.137

54,18
(0,44)

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CAO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BDS-QM

19. CÁC CHI TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 (chứng chỉ quỹ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (chứng chỉ quỹ)
Đến một năm	7.937.677,00	7.011.203,70

20. CHI TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MÔI

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (%)	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (%)
Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,43	2,18
Tốc độ vòng quay danh mục	31,44	23,97

20.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cố tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

20.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm}) * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

21.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ. Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do dành mục đầu tư của Quỹ là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp và Quỹ đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi có lãi suất ổn định tại ngày lập báo cáo tài chính.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VNĐ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các trái phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quỹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết của Quỹ là 43.885.761.791 VNĐ. Nếu giá trị thị trường của các trái phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 4.366.576.179 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá thị trường của các trái phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên khoảng 4.366.576.179 đồng.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khác hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

21.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

22. THUYẾT MINH BỘ SƯNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và Giá trị hợp đồng của tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp đồng VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền		
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động chi tiêu ngắn hạn	22.050.754.085	7.781.150.217
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	719.185.239	4.775.539.268
Các khoản đầu tư		
- Trái phiếu doanh nghiệp	21.931.578.846	3.005.610.959
- Chứng chỉ tiền gửi	66.884.572.002	65.067.923.368
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	51.994.572.002	27.872.291.285
Các khoản phải thu		
- Trái phiếu doanh nghiệp	5.000.000.000	26.000.000.000
- Chứng chỉ tiền gửi	10.000.000.000	9.195.632.083
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	1.868.716.343	3.435.651.007
Nợ phải trả tài chính	90.914.052.430	78.284.724.592
Phải trả cho các Đài lý phân phối chứng chỉ quỹ	8.820.064	8.820.064
Chi phí phải trả	72.600.000	72.600.000
Phải trả cho nhà đầu tư và nhà mua chứng chỉ quỹ	11.500.000	11.500.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	76.547.562	76.547.562
Nợ phải trả tài chính	166.467.632	166.467.632
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia,		
Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đài lý phân phối chứng chỉ Quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư và nhà mua chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải nộp khác bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.		
Giá trị hợp lý của trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại Thuyết minh 3.3.		

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đài lý phân phối chứng chỉ Quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho

Nhà đầu tư và nhà mua chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải nộp khác bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại Thuyết minh 3.3.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THÊM CHỐT KHÁC

23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Giá dịch vụ quản lý mở	86.021.258	342.749.073

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phí trả dịch vụ quản lý mở	7.727.668	6.362.793

b) Thủ tục của Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000

Thù lao của Ban đại diện Quỹ không có số dư tại thời điểm cuối năm.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	5.000.000,00	82,99	5.000.000,00	71,31
Bên liên quan khác		206.607,22	3,61	146.680,57	2,10
		5.206.607,22	86,60	6.146.680,57	73,41

23.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký lô với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 10.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và giá dịch vụ lưu ký là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong năm như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
	VND	VND
Giá dịch vụ giám sát	237.600.000	229.800.000
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	216.000.000	209.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	3.520.000	2.420.000
Giá dịch vụ quản trị quỹ mở	237.600.000	217.800.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.391.673	3.101.737
Phí ngân hàng	9.388.300	4.337.300

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THÊM CHỐT KHÁC (tiếp theo)

23.2 Các hợp đồng thêm chốt khác (tiếp theo)

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau.

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tiền gửi thanh toán	119.185.299	4.775.530.258
Phải trả dịch vụ giám sát	19.000.000	19.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	18.000.000	18.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	220.000	220.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	19.000.000	19.000.000

24. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Mai Hoa
Người lập biểu

Bà Nguyễn Béng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2022